

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác
qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay
tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân
hàng Chính sách xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của
Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý
tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số
180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài chính đối với
Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-
TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31
tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa
phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người
nghèo và các đối tượng chính sách khác, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số
84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 31/2025/QĐ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của
Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi thông qua
Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai
đoạn 2025 - 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6367/TTr-STC
ngày 03 tháng 6 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử
dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách
xã hội tỉnh để cho vay tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 và thay thế Quyết định số 3363/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Trưởng các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Cường

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua
Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay
tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 51 /2026/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với các đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Nguồn vốn kinh phí thực hiện

1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay tín dụng chính sách xã hội.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay ủy thác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy chế này.

3. Nguồn chênh lệch lớn hơn giữa Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro và Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 8 Quy chế này.

Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Sở Tài chính được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền ký hợp đồng ủy thác, phụ lục hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn

a) Hằng năm, căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về bổ sung nguồn vốn ủy thác, hợp đồng ủy thác, theo đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính thực hiện chuyển nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay tín dụng chính sách xã hội.

b) Hình thức cấp phát: Bằng lệnh chi tiền.

c) Hạch toán chi ngân sách nhà nước: Theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng cho vay, mục đích sử dụng vốn vay, mức cho vay, thời hạn, lãi suất, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay: Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và quy định hiện hành của nhà nước đối với từng nhóm đối tượng cụ thể.

Trường hợp Trung ương quy định hỗ trợ giảm lãi suất cho vay do thiên tai, dịch bệnh hoặc nguyên nhân khách quan khác thì lãi suất cho vay từ nguồn vốn ủy thác theo quy định tại Quy chế này sẽ được giảm tương ứng theo mức quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 6. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Thẩm quyền gia hạn nợ: Do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

2. Hồ sơ, thủ tục đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

Điều 7. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh quản lý, hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên như sau:

1. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung: 5% số lãi thực thu.

Tại thời điểm trích lập quỹ dự phòng rủi ro (ngày 31/12 hàng năm), tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh trên tổng dư nợ thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: 50% số lãi thực thu.

3. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan:

3.1. Chi cho Ban đại diện Hội đồng quản trị: 5% số lãi thực thu (không bao gồm số lãi thu từ nguồn vốn ủy thác thực hiện Chương trình hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp).

a) Chi tổ chức hội nghị hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị, giao ban tổ chức chính trị - xã hội, tập huấn nghiệp vụ hoạt động ủy thác vốn cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội, chi công tác tuyên truyền, chi văn phòng phẩm, chi học tập kinh nghiệm, chi công tác phí, lễ tân, khánh tiết.

Nội dung chi, mức chi, quy trình thủ tục thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có hoạt động tín dụng chính sách.

Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đề nghị các tập thể, cá nhân được khen thưởng trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh ban hành Quyết định khen thưởng.

3.2. Chi cho Ban Thường vụ Tỉnh đoàn: 15% số lãi thực thu từ nguồn vốn ủy thác thực hiện Chương trình hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp.

Nội dung chi, mức chi, quy trình thủ tục thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Số lãi còn lại được bổ sung nguồn vốn cho vay.

Điều 8. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền quyết định xem xét xử lý nợ bị rủi ro.

4. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro

a) Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trích lập từ nguồn vốn ủy thác.

b) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung ngân sách tỉnh để xử lý

hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn uỷ thác của ngân sách tỉnh qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

c) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa theo quy định, phần chênh lệch được bổ sung vào nguồn vốn uỷ thác để cho vay theo quy định.

5. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trực thuộc tiếp tục quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

Điều 9. Chế độ báo cáo

Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn uỷ thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

Điều 10. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn uỷ thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các sở, ngành có liên quan tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để uỷ thác thực hiện chính sách tín dụng chính sách xã hội thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trên địa bàn.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa và các tổ chức nhận uỷ thác

a) Phát huy vai trò, trách nhiệm giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức nhận uỷ thác trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội.

b) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện uỷ thác cho vay.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo chương trình phối hợp, văn bản liên tịch và hợp đồng uỷ thác đã ký với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo, dự kiến kế hoạch nhu cầu vốn tín dụng chính sách xã hội từ đầu tư công trung hạn và hằng năm gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh chuyển sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

d) Tổng hợp, tổ chức kiểm tra, thẩm định hồ sơ pháp lý về đề nghị xử lý rủi ro, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ, đúng thực tế của hồ sơ, số liệu đề nghị xử lý nợ bị rủi ro và lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, tổ chức, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc trả nợ, trả lãi; thẩm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh xử lý các trường hợp nợ khó đòi, nợ quá hạn; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia Tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi, nợ quá hạn.

Điều 12. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.